

Bản án số: 51/2022/HS-ST
Ngày 21 - 4 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ TỈNH LAI CHÂU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Bính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Văn Kiều, ông Đèo Văn Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Tùng – Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Pờ Văn K**; tên gọi khác: không; sinh năm 2000 tại huyện Ph Th, tỉnh L Ch; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: B L II, xã B L, huyện Ph Th, tỉnh L Ch; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Pờ Văn Ph (Đã Chết) và Con bà Lò Thị Tr – sinh năm 1963, hiện đều trú tại B L II, xã B L, huyện Ph Th tỉnh L Ch; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không; Ngày 03/7/2020 K bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phong Thỏ khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Nhưng đầu tháng 8 năm 2020, K đã bỏ đi khỏi địa phương không báo cho chính quyền địa phương và Cơ quan CSĐT biết. Do vậy, K đã bị Cơ quan CSĐT huyện Phong Thỏ ra Quyết định truy nã. Đến ngày 18/12/2021 K đã bị bắt, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thỏ từ ngày 20/12/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị Hại: Chị Pờ Thị U – Sinh năm 1999.

Địa chỉ: Bản Lang II, xã Bản Lang, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu (Có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vàng Văn Tr –sinh năm 1986. Trú tại: Bản Lang II, xã Bản Lang, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

* Người làm chứng: Bà Lò Thị Tr – sinh năm 1963. Trú tại: Bản Lang II, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 26/3/2020, Pờ Văn K – Sinh năm 2000, trú tại Bản Lang II, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu sau khi ngủ dậy do hết thuốc lá để sử dụng, biết chị gái của K là Pờ Thị U, sinh năm 1999 ở cùng nhà với K cũng hút thuốc lá nên K đi từ tầng một lên phòng ngủ của U ở tầng 2 để tìm thuốc lá hút. Khi vào phòng của U, K thấy U đang ngủ say, K quan sát thấy ở đầu giường ngủ của U có 01 bao thuốc lá Thăng Long, bên cạnh bao thuốc lá có 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, màu xanh pha lê, màn hình dán miếng cường lực, miếng cường lực đã bị vỡ, xước. K cầm bao thuốc lá lên lấy 01 điếu thuốc ra châm lửa hút, sau đó K để bao thuốc lá và bật lửa vào chỗ cũ. Thấy U đang ngủ say, K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên của U để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. K cầm điện thoại của U, rút dây sạc pin rồi cầm điện thoại đi xuống tầng một. Do biết mật khẩu điện thoại của U cài đặt là “333555” nên K nhập dãy số trên, mở điện thoại ra xem một lúc rồi cất vào túi quần đang mặc rồi đi tìm chỗ cầm cố điện thoại để lấy tiền. Do trước đó K hay đến nhà Vàng Văn Tr, sinh năm 1986 trú cùng bản nên K đi thẳng lên nhà Tr, gặp Tr K nói “Em muốn vay tiền và để lại máy điện thoại”. Do trước đó K còn nợ Tr số tiền 300.000 đồng nên khi K nói vậy thì Tr không đồng ý cho vay. Thấy Tr nói vậy, K liền lấy điện thoại vừa trộm được của U ra, nhập mật khẩu mở màn hình điện thoại rồi đưa cho Tr xem. Tr xem điện thoại và hỏi K về nguồn gốc của chiếc điện thoại thì K nói đó là chiếc điện thoại của K. Thấy K mở được mật khẩu của điện thoại nên Tr tin là điện thoại của K nên đã đồng ý cho K vay số tiền là 300.000 đồng. K để lại điện thoại cho Tr và cả hai thống nhất đến tối cùng ngày K sẽ trả cho Tr 600.000 đồng (Trong đó có 300.000 đồng K nợ Tr trước đó và 300.000 đồng K cầm cố điện thoại). Sau khi thỏa thuận xong Tr cầm điện thoại và đưa cho K 300.000 đồng. Sau khi nhận tiền Tr đưa, K mang đi tiêu sài cá nhân hết. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày K về nhà thì thấy bà Lò Thị Tr, sinh năm 1963 là mẹ của K đang ở nhà, K không nói với mẹ về việc K lấy trộm điện thoại của chị gái mình. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, K lại từ nhà đi lên nhà Tr với mục đích vay thêm tiền của Tr. Đến nhà Tr, K nói với Tr cho K vay thêm 200.000 đồng và hứa 05 ngày nữa K sẽ đến trả cho Tr tổng số tiền là 800.000 đồng, nếu không trả được thì chiếc điện thoại sẽ thuộc về Tr. Nghe K nói vậy thì Tr đồng ý và lấy số tiền còn lại của mình được 198.000 đồng đưa cho K. Nhận tiền Tr đưa K lại mang đi tiêu sài cá nhân hết. Sau đó vì sợ người nhà biết việc K trộm cắp điện thoại của chị U nên K không dám về nhà mà đến nhà Lò Văn P, sinh năm 1986 ở cùng bản ngủ nhờ.

Khoảng hơn 8 giờ ngày 26/3/2020, Pờ Thị U sau khi ngủ dậy phát hiện chiếc điện thoại của mình bị mất, U cùng bà Tr đi tìm chiếc điện thoại trên

nhưng không thấy. U nghi ngờ Pờ Văn K là em trai mình đã lấy trộm chiếc điện thoại của mình nên khoảng 9 giờ 40 phút ngày 26/3/2020, U đã đến Công an xã bản Lang trình báo sự việc mất điện thoại. Khoảng 07 giờ ngày 27/3/2020, K bị công an xã Bản Lang mời lên làm việc, tại cơ quan Công an K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 03/7/2020, Pờ Văn K bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phong Thổ khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong quá trình đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú K đã tự ý đi khỏi địa phương. Đến ngày 18/12/2021 khi K đang ở phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phong Thổ bắt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/LK-HĐ ĐGTS ngày 30/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Thổ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại nhãn hiệu RMX 1911 – Riealme 5 màu pha lê xanh, số IMEI 1: 864252043458373; IMEI 2: 864252043588365, Kí chiếm đoạt của U vào thời điểm tháng 3/2020 là 2.300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại nhãn hiệu RMX 1911 – Riealme 5 màu pha lê xanh, số IMEI 1: 864252043458373; IMEI 2: 864252043588365. Điện thoại đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT công an huyện Phong Thổ đã ra Quyết định số 04/QĐ-CQĐT xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc điện thoại trên cho Pờ Thị U theo quy định của pháp luật.

Về phần trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại là chị Pờ Thị U không yêu cầu bồi thường gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vàng Văn Tr yêu cầu bị can bồi thường số tiền 498.000 đồng tiền bị cáo cầm cố chiếc điện thoại.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-PT ngày 02/3/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu truy tố Pờ Văn Kí về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Pờ Văn K thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố. Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa hôm nay bị hại là chị Pờ Thị U đã trình bày về tài sản bị mất chị đã nhận lại, nguyện vọng của chị không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Pờ Văn K. Kiểm sát viên đánh giá tính chất, mức độ hành vi, điều kiện hoàn cảnh, ý thức chủ quan, tính nguy hiểm cho xã hội, nhân thân người phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Pờ Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1; khoản 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Pờ Văn Kí từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại là chị Pờ Thị U không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Anh Vàng Văn Tr là người cầm cổ điện thoại do K mang đến, tại phiên tòa anh Tr vắng mặt, song trong quá trình điều tra anh trình bày do không biết chiếc điện thoại là do K trộm cắp mà có. Anh Tr đề nghị buộc bị cáo phải trả lại số tiền 498.000 đồng là số tiền anh đã đưa cho Bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất với Hội đồng xét xử về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với bản luận tội, không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tính chất, mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Trong quá trình điều tra tại cơ quan điều tra công an huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu cũng như cuộc thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Pờ Văn K đều thừa nhận: Khoảng 06 giờ ngày 26/3/2020, sau khi ngủ dậy do hết thuốc lá để sử dụng, biết chị gái của K là Pờ Thị U, sinh năm 1999 ở cùng nhà với K cũng hút thuốc lá nên K đi tầng một lên phòng ngủ của U ở tầng 2 để tìm thuốc lá hút. Khi vào phòng của U, K thấy U đang ngủ say, K quan sát thấy ở đầu giường ngủ của U có 01 bao thuốc lá Thăng Long, bên cạnh bao thuốc lá có 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, màu xanh pha lê nên K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên của U để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của chị U, K đem lên nhà anh Tr cùng bản để cầm cố lấy tiền tiêu sài. Lúc đầu Tr không nhận cầm cố điện thoại cho K, song K nói là điện thoại là của K, thấy K có mặt khẩu mở điện thoại nên Tr tin tưởng và nhận cầm cố cho K và đưa K 02 lần tiền với tổng số tiền là 498.000 đồng.

Nhận tiền Trình đưa K mang đi tiêu sài cá nhân hết. Sau đó vì sợ người nhà biết việc K trộm cắp điện thoại của chị U nên K không dám về nhà mà đến nhà Lò Văn P, sinh năm 1986 ở cùng bản ngủ nhờ.

Khoảng hơn 8 giờ ngày 26/3/2020, Pờ Thị U sau khi ngủ dậy phát hiện chiếc điện thoại của mình bị mất, U cùng bà Tr đi tìm chiếc điện thoại trên nhưng không thấy. U nghi ngờ Pờ Văn K là em trai mình đã lấy trộm chiếc điện thoại của mình nên khoảng 9 giờ 40 phút ngày 26/3/2020, U đã đến Công an xã bản Lang trình báo sự việc mất điện thoại. Khoảng 7 giờ ngày 27/3/2020, K bị công an xã Bản Lang mời lên làm việc, tại cơ quan Công an K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/LK-HĐ ĐGTS ngày 30/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Thổ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại nhãn hiệu RMX 1911 – Riealme 5 màu pha lê xanh, số IMEI 1: 864252043458373; IMEI 2: 864252043588365, Kí chiếm đoạt của Un vào thời điểm tháng 3/2020 là 2.300.000 đồng.

Như vậy hành vi của Pờ Văn K đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Song vì lười lao động, muốn có tiền tiêu sài, bị cáo bất chấp pháp luật cố tình phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của bị cáo đã gây ra. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo đã tự ý rời khỏi địa phương, đến ngày 18/12/2021 Pờ Văn K bị bắt theo lệnh truy nã của Công an huyện Phong Thổ. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng là công tác răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS-PT ngày 02/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố Pờ Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa hôm nay bị hại không yêu

cầu gì về phần bồi thường trách nhiệm dân sự và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy khi lượng hình cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện viện kiểm sát đưa ra các quan điểm buộc tội cũng như các đề xuất về tội danh, hình phạt, các vấn đề liên quan đến vụ án, án phí và quyền kháng cáo là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị hại trình bày về tài sản đã lấy lại được nên không yêu cầu bồi thường gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, song trong quá trình điều tra, anh Tr đề nghị buộc bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 498.000 đồng là tiền bị cáo dùng điện thoại cầm cổ anh đã đưa cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của anh Tr là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại nhãn hiệu RMX 1911 – Realme 5 màu pha lê xanh, số IMEI 1: 864252043458373; IMEI 2: 864252043588365. Điện thoại đã qua sử dụng. Ngày 25/10/2021 cơ quan điều tra đã ra quyết định số 04/QĐ-CQĐT xử lý vật chứng bằng cách trả lại cho chị Pờ Thị U là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan công an huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu là đúng quy định của pháp luật do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với anh Vàng Văn Tr, anh Tr khai anh đã cầm cổ chiếc điện thoại của K, song anh không biết đây là tài sản do K trộm cắp mà có. Đối với Pờ Văn K, K khai 02 lần lấy tiền của anh Tr đều mang đi mua ma túy để sử dụng, căn cứ lời khai của K cơ quan điều tra không xác minh được việc K mua ma túy tàng trữ để sử dụng và không có căn cứ để buộc K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét những vấn đề trên.

[8] Về án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Pờ Văn K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Pờ Văn K 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 20/12/2021.

- Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 46 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo trả lại cho anh Vàng Văn Tr số tiền 498.000 đồng.

2. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Báo cho bị cáo và người bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- CQCSĐT CA huyện Phong Thổ;
- CQTHAHS CA huyện Phong Thổ;
- Bị cáo, bị hại
- Người có QLNVLQ,
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Bính